

Bản án số:360;
Ngày 09/6/2026;
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Miến;

Ông Nguyễn Văn Chiến;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Thư ký Toà án Khu vực 10 -Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thủy Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 10 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 196/2026/HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026; về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/HNGĐ ngày 12/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1988; CC số 001188034487 ; nơi cấp: **Bộ C1**, ngày cấp: 09/01/25025; nơi cư trú: **Xóm E, thôn P, xã Q, thành phố Hà Nội**; có mặt;

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Công H1**, sinh năm 1985; CCCD số 00108500419; cấp ngày 26/5/2014, Nơi ĐKKHKT: **Xóm E, thôn P, xã Q, thành phố Hà Nội**; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh **Nguyễn Công H1** tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội (Nay là xã Q, thành phố Hà Nội)** ngày 06/10/2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến năm 2009, anh **H1** bỏ đi lao động tại Hàn Quốc đến nay chưa về. Trong thời gian anh **H1** đi nước ngoài vợ chồng ít liên lạc với nhau và ít gửi tiền về nuôi con. Khi anh **H1** đi lao động ngoài nước thì vợ chồng có đồng thuận để anh **H1** đi bằng con đường du lịch, sau đó ở lại lao động bất hợp pháp nên chị không biết hiện nay anh **H1** địa chỉ anh **H1** hiện ở đâu, từ khi anh **H1** xuất cảnh, anh **H1** cũng không báo

cho chị biết địa chỉ anh **H1** ở đâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh **H1** cũng không liên lạc với chị, không gửi tiền về cho chị và cũng không hẹn ngày về. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn anh **H1**.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là **Nguyễn Thùy T**, sinh ngày 21/8/2010 và **Nguyễn Thùy C**, sinh ngày 29/9/2014. Hiện hai cháu đang ở với chị. Sau ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí đã nộp.

Anh Nguyễn Công H1 đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản biên bản xác minh ngày 20/4/2026, ông Nguyễn Thế Đ và bà Đơn Thị Q là bố mẹ đẻ anh H1 trình bày như sau: Anh **Nguyễn Công H1** kết hôn với chị **Nguyễn Thị Thu H** năm 2008. Sau kết hôn hai vợ chồng ở riêng đến năm 2018 thì anh chị về ở cùng ông bà, vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn. Năm 2019, anh **H1** đi lao động tại Hàn Quốc, từ đó đến nay chưa về, anh **H1** thường xuyên liên lạc với gia đình qua **Hiện nay anh H2 ở đâu thì ông, bà không biết, chỉ biết đang ở Hàn Quốc.** Chị **H** trước khi làm đơn ly hôn có trao đổi với ông bà, ông, bà có khuyên chị **H** nhưng chị **H** vẫn có đơn ly hôn, việc ly hôn hay không là quyền của anh **H1**, chị **H**, ông, bà không mong muốn anh chị ly hôn.

Về con chung: Anh **H1**, chị **H** có hai con chung là **Nguyễn Thùy T**, sinh năm 2010 và **Nguyễn Thùy C**, sinh năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về trình tự thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn không hành vi vi phạm pháp luật, bị đơn hiện đi lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc không có địa chỉ cụ thể nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn và giải quyết theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ là đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 57, 82, 85 của Luật nhân và gia đình, để xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị Thu H**.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thu H** ly hôn anh **Nguyễn Công H1**.

Về con chung: Giao hai con chung cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **H1** đến khi chị **H** có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Thu H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1- Về tố tụng: Anh **Nguyễn Công H1** hiện đang đi lao động xuất khẩu tại **Q**. Tuy nhiên, trước khi đi lao động ngoài nước, anh **H1** đăng ký hộ khẩu thường trú tại **xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội (nay là xóm E, thôn P, xã Q, thành phố Hà Nội)** nên chị **H** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hà Nội giải quyết ly hôn với anh **H1** là đúng thẩm quyền theo Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật số 85/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật pháp người chưa thành niên, Luật sản và Luật giải, đối thoại tại Tòa án.

Anh **H1** hiện đang đi lao động ngoài nước nhưng gia đình không biết địa chỉ hiện tại của anh **H1** ở đâu. Vì vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Hà Nội xét xử vắng mặt anh **H1** theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ là đúng quy định của pháp luật.

[2- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thu H** và anh **Nguyễn Công H1** tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 06/10/2008 tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội (nay là xã Q, thành phố Hà Nội)**. Tại thời điểm kết hôn chị **H** và anh **H1** có đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **H1** là hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị **H**, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Năm 2019 anh **H1** xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động và từ đó đến nay không về Việt Nam, vợ chồng ít liên lạc với nhau, anh **H1** không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người chồng, người cha đối với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh **H1** không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không thể hiện mong muốn đoàn tụ gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **H**, thấy từ năm 2019 đến nay anh **H1** đi lao động ngoài nước và không thường xuyên liên lạc với chị **H**, anh **H1** đã sống xa gia đình trong thời gian dài, không cùng chị **H** thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, đời sống chung không còn tồn tại, tình trạng hôn nhân đã lâm vào trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị **H** là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3Về con chung: Chị **H** và anh **H1** có hai con chung là **Nguyễn Thùy T**, sinh ngày 21/8/2010 và **Nguyễn Thùy C**, sinh ngày 29/9/2014. Hiện nay cả hai cháu đang do chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống ổn định. Anh **H1** đang ở nước ngoài, không trực tiếp chăm sóc con và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Xét thấy các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ và anh **H1** hiện không sinh sống tại Việt Nam nên việc giao hai cháu cho chị **H** tiếp tục trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là bảo đảm quyền lợi mọi mặt của các cháu nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **H** không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh **H1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4 Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H** xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và anh **H1** không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5 Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6 Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thu H.**

quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thu H** ly hôn anh **Nguyễn Công H1.**

- **Về con chung:** Giao cháu **Nguyễn Thùy T**, sinh ngày 21/8/2010 và cháu **Nguyễn Thùy C**, sinh ngày 29/9/2014 cho chị **Nguyễn Thị Thu H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh **Nguyễn Công H1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh **Nguyễn Công H1** do chị **H** không yêu cầu.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không xem xét giải quyết.

2. **Về án phí:** Chị **Nguyễn Thị Thu H** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố **H** theo biên lai số 0008466 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

5. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 10 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã Quốc Oai, Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thủy

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã Hữu Bằng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Ngọc Sơn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã Hữu Bằng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Ngọc Sơn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Bình;
- Lưu HS, VP.

Đỗ Ngọc Sơn